

**ĐẢNG BỘ TỈNH NINH THUẬN  
HUYỆN ỦY THUẬN NAM**

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

**Số 526 - CV/HU**

*Thuận Nam, ngày 11 tháng 8 năm 2021*

*Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về Chỉ thị số 35-CT/TW, Chỉ thị số 27-CT/TW và Quy định số 11-QĐi/TW của Bộ Chính trị*

*Kính gửi:*

- Ủy ban nhân dân huyện,
- Các Ban đảng huyện ủy,
- Các tổ chức cơ sở Đảng.

Thực hiện Công văn số 1210-CV/TU ngày 06/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về Chỉ thị số 35-CT/TW, Chỉ thị số 27-CT/TW và Quy định số 11-QĐi/TW của Bộ Chính trị;

Thường trực huyện ủy có ý kiến như sau:

1. Ủy ban nhân dân huyện, các Ban đảng huyện ủy, các tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc thực hiện báo cáo hằng tháng, quý I, 6 tháng và 9 tháng về tình hình, kết quả tiếp dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân theo yêu cầu Quy định số 11 -QĐi/TW, ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị “về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân” theo hình thức xây dựng lồng ghép thành một mục riêng trong Báo cáo công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng và cải cách tư pháp (Thực hiện theo Đề cương hướng dẫn số 01, mẫu Phụ lục số 02 gửi kèm). Báo cáo gửi về Ủy ban kiểm tra huyện ủy để tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ huyện ủy và Ban Nội chính Tỉnh ủy theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân huyện, các Ban đảng huyện ủy, các tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc thực hiện chế độ báo cáo hằng năm về Chỉ thị số 35-CT/TW, Chỉ thị số 27-CT/TW và Quy định số 11-QĐi/TW của Bộ Chính trị (Thực hiện theo Đề cương hướng dẫn số 02 và các mẫu Phụ lục (01, 02, 03, 04, 05, 06 gửi kèm); thời gian gửi về Ủy ban kiểm tra huyện ủy trước ngày 15 tháng 12 hằng năm để tổng hợp, báo

cáo kết quả về Ban Thường vụ huyện ủy xem xét, có ý kiến trước khi gửi về tỉnh theo quy định.

3. Giao Ủy ban kiểm tra huyện ủy chủ trì, phối hợp Văn phòng Cấp ủy và Chính quyền huyện theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan triển khai thực hiện chế độ báo cáo đảm bảo theo đúng nội dung, thời gian yêu cầu đề ra. Tổng hợp tham mưu Thường trực, Ban Thường vụ huyện ủy báo cáo cấp trên theo quy định.

*(Đính kèm đề cương và các phụ lục liên quan).*

Nơi nhận:

- Như trên,
- Thường trực huyện ủy,
- Ủy ban kiểm tra huyện ủy,
- Văn phòng Cấp ủy và Chính quyền,
- Lưu Văn phòng CU&CQ huyện.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
BÍ THƯ**



**Châu Thanh Hải**

## ĐỀ CƯƠNG HƯỚNG DẪN SỐ 01

**Báo cáo hằng tháng, quý I, 06 tháng và 09 tháng về tình hình, kết quả tiếp dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân theo yêu cầu Quy định số 11-QĐi/TW, ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị**

### 1. Về nội dung báo cáo

- Cần khái quát kết quả tiếp công dân của người đứng đầu cấp ủy: Số cuộc tiếp công dân định kỳ? Đợt xuất? Thường xuyên (nếu có)? (số cuộc tiếp (ngày bố trí lịch tiếp); số lượt/số người/số vụ việc, trong đó số đoàn đông người (lượt đoàn/người).

- Kết quả tiếp nhận, xử lý những phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo qua tiếp công dân của người đứng đầu cấp ủy: Tổng số đơn/vụ việc tiếp nhận (trong đó có bao nhiêu đơn/vụ việc phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo về suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên)?; số đơn/vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết?; số đơn/vụ việc không thuộc thẩm quyền giải quyết?.

- Kết quả chỉ đạo xử lý, giải quyết những phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của người đứng đầu cấp ủy:

+ Đối với số đơn/vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết: Số đơn/vụ việc người đứng đầu cấp ủy có văn bản chỉ đạo giải quyết? (trong đó số đơn/vụ việc phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo về suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên?); Số đơn/vụ việc đã giải quyết xong; số đơn/vụ việc đã giải quyết xong nhưng còn phản ánh, kiến nghị, KNTC; số đơn/vụ việc đang giải quyết.

+ Đối với số đơn/vụ việc không thuộc thẩm quyền giải quyết: Số đơn/vụ việc đã chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết? Số đơn/vụ việc hướng dẫn công dân đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết? Số đơn/vụ việc lưu theo quy định?

### 2. Thời kỳ lấy số liệu báo cáo và thời hạn gửi báo cáo

- Số liệu báo cáo tháng được tính từ ngày 26 của tháng trước đến ngày 25 của tháng báo cáo. Thời hạn gửi trước ngày 27 của tháng báo cáo.

- Số liệu báo cáo quý I được tính từ ngày 26 tháng 12 của năm trước đến ngày 25 tháng 3 của năm báo cáo. Thời hạn gửi trước ngày 27 tháng 3.

- Số liệu báo cáo 6 tháng được tính từ ngày 26 tháng 12 của năm trước đến ngày 25 tháng 6 của năm báo cáo. Thời hạn gửi trước ngày 27 tháng 6.

- Số liệu báo cáo 9 tháng được tính từ ngày 26 tháng 12 của năm trước đến ngày 25 tháng 9 của năm báo cáo. Thời hạn: gửi trước ngày 27 tháng 9./.

## ĐỀ CƯƠNG HƯỚNG DẪN SỐ 02

**Báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW,  
Chỉ thị số 27-CT/TW và Quy định số 11-QĐi/TW của Bộ Chính trị năm...**  
(Kèm theo Công văn số 1210-CV/TU ngày 06/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

### **I. Tình hình khiếu nại, tố cáo**

Khái quát tình hình khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị (số lượng vụ việc, tăng hay giảm, tính chất, mức độ phức tạp... so với cùng kỳ năm trước đó), tình hình người tố cáo bị trả thù, trù dập, tình hình người tố cáo có yêu cầu được bảo vệ (tăng hay giảm so với cùng kỳ năm trước đó) thuộc lĩnh vực ngành, cơ quan, địa phương lãnh đạo, quản lý.

### **II. Kết quả thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, Chỉ thị số 27-CT/TW và Quy định số 11-QĐi/TW của Bộ Chính trị.**

#### **1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng**

1.1. Lãnh đạo việc tuyên truyền, phổ biến Chỉ thị số 35-CT/TW, Chỉ thị số 27-CT/TW và Quy định số 11-QĐi/TW của Bộ Chính trị và các quy định pháp luật liên quan về công tác tiếp công dân, xử lý phản ánh, kiến nghị, giải quyết khiếu nại, tố cáo (KNTC), bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực (viết tắt là bảo vệ người tố cáo).

- Các hình thức được cấp ủy, tổ chức đảng tuyên truyền, phổ biến, (hội nghị, phát hành tài liệu, qua phương tiện thông tin đại chúng,...);

- Số lượng các cuộc hội nghị, số tài liệu được phát hành, số lượt người được tham dự... qua tuyên truyền, phổ biến.

- Đánh giá kết quả tuyên truyền, phổ biến (nhận thức của lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, cán bộ, công chức, viên chức về vị trí, vai trò của công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC, về công tác bảo vệ người tố cáo và trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo các mặt công tác này).

1.2. Ban hành văn bản của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền để lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, Chỉ thị số 27-CT/TW và Quy định số 11-QĐi/TW của Bộ Chính trị

- Văn bản do cấp ủy, tổ chức đảng ban hành để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, Chỉ thị số 27-CT/TW và Quy định số 11-QĐi/TW của Bộ Chính trị (nêu số lượng và tên một số văn bản tiêu biểu).

- Văn bản do các cơ quan, đơn vị, chính quyền địa phương ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền ban hành để cụ thể hóa

Chỉ thị số 35-CT/TW, Chỉ thị số 27-CT/TW, Quy định số 11-QĐi/TW và các văn bản của cấp trên (nêu số lượng và tên một số văn bản tiêu biểu).

- Đánh giá tính kịp thời, sự phù hợp, khả thi của văn bản được ban hành.

1.3. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác phối hợp trong công tác tiếp công dân, xử lý phản ánh, kiến nghị, giải quyết KNTC và bảo vệ người tố cáo

- Ban hành văn bản, tổ chức hội nghị, cuộc họp, giao ban để lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chức năng thuộc thẩm quyền trong công tác phối hợp.

- Đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo trong việc phối hợp, nhất là phối hợp giải quyết các vụ việc KNTC đông người, phức tạp, nổi cộm, kéo dài; phối hợp trong công tác bảo vệ người tố cáo.

1.4. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra trong tiếp công dân, xử lý phản ánh, kiến nghị, giải quyết KNTC và bảo vệ người tố cáo

- Ban hành văn bản để chỉ đạo, đôn đốc công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra việc tiếp công dân, xử lý phản ánh, kiến nghị, giải quyết KNTC bảo vệ người tố cáo.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, thanh tra về công tác tiếp công dân, xử lý phản ánh, kiến nghị, giải quyết KNTC và bảo vệ người tố cáo (số cuộc kiểm tra, giám sát, thanh tra; số cơ quan, đơn vị được kiểm tra, giám sát, thanh tra; kết quả phát hiện tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC, bảo vệ người tố cáo; kết quả xử lý hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm quy định; việc công khai kết quả xử lý).

- Đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra việc tiếp công dân, xử lý phản ánh, kiến nghị, giải quyết KNTC và bảo vệ người tố cáo.

1.5. Lãnh đạo, chỉ đạo việc kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng đạo đức công vụ đối với đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC và bảo vệ người tố cáo; bố trí địa điểm, cơ sở vật chất phục vụ công tác tiếp công dân

- Lãnh đạo, chỉ đạo kiện toàn tổ chức bộ máy, tăng cường số lượng, nâng cao chất lượng đạo đức công vụ đối với đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, tham mưu giải quyết KNTC và bảo vệ người tố cáo; việc bố trí địa điểm, cơ sở vật chất phục vụ công tác tiếp công dân.

- Đánh giá số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, tham mưu giải quyết KNTC và bảo vệ người tố cáo.

1.6. Lãnh đạo các cơ quan chức năng và cơ quan thông tin đại chúng trong việc cung cấp thông tin về công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC, phát huy vai trò của cơ quan thông tin đại chúng trong bảo vệ người tố cáo

- Lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chức năng thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý trong việc cung cấp thông tin cho các cơ quan thông tin đại chúng trong công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC, bảo vệ người tố cáo.

- Đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo và vai trò của cơ quan thông tin đại chúng trong công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC và bảo vệ người tố cáo.

## **2. Kết quả tiếp công dân, xử lý phản ánh, kiến nghị, giải quyết KNTC, bảo vệ người tố cáo**

### **2.1. Kết quả công tác tiếp công dân**

2.1.1. Kết quả tiếp công dân xử lý phản ánh, kiến nghị, giải quyết KNTC của người đứng đầu các cấp ủy, tổ chức đảng; của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các cấp

- Kết quả tiếp công dân của người đứng đầu các cấp ủy, tổ chức đảng<sup>1</sup>: Số cuộc tiếp (định kỳ, đột xuất, thường xuyên)?; số lượt/lượt người/số vụ việc?; số lượt đoàn đông người/lượt người?.

- Kết quả tiếp công dân của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các cấp: số cuộc tiếp (định kỳ, đột xuất, thường xuyên); số lượt/lượt người/số vụ việc; số lượt đoàn đông người/lượt người.

- Kết quả xử lý, giải quyết hoặc chỉ đạo xử lý, giải quyết vụ việc thuộc thẩm quyền (số vụ việc đã giải quyết xong; số vụ việc đã giải quyết xong nhưng còn phản ánh, kiến nghị, KNTC; số vụ việc đang giải quyết).

### **2.1.2. Kết quả tiếp công dân của các cơ quan, địa phương**

- Kết quả tiếp công dân của cơ quan hành chính các cấp (UBND các cấp; các sở, ngành chuyên môn thuộc UBND); các cơ quan tư pháp (Công an, Kiểm sát, Tòa án, Thi hành án): số cuộc tiếp (định kỳ, đột xuất, thường xuyên), số lượt/lượt người, số vụ việc; số lượt đoàn đông người/lượt người. Kết quả giải quyết hoặc chỉ đạo xử lý, giải quyết vụ việc thuộc thẩm quyền (số vụ việc đã giải quyết xong, số vụ việc đang giải quyết, số vụ việc chưa giải quyết).

- Kết quả tiếp công dân của các Ban đảng, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Văn phòng Hội đồng nhân dân các cấp: số cuộc tiếp (định kỳ, đột xuất, thường xuyên), số lượt/lượt người, số vụ việc; số lượt đoàn đông người/lượt

<sup>1</sup> Các huyện ủy, thành ủy báo cáo kết quả của đồng chí Bí thư huyện ủy, thành ủy và của Bí thư đảng ủy các xã, phường, thị trấn.

người. Kết quả xử lý, giải quyết hoặc tham mưu chỉ đạo cơ quan có thẩm quyền giải quyết (số vụ việc đã giải quyết xong, số vụ việc đang giải quyết, số vụ việc chưa giải quyết).

2.1.3. Đánh giá kết quả công tác tiếp công dân (thực hiện thời gian tiếp theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nội dung chủ yếu các phản ánh, kiến nghị, KNTC của công dân; hiệu quả tiếp công dân, giải quyết KNTC).

## 2.2. Kết quả tiếp nhận, xử lý và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo

- Kết quả tiếp nhận, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo của cơ quan hành chính các cấp (UBND các cấp; các sở, ngành chuyên môn thuộc UBND); các cơ quan tư pháp (Công an, Kiểm sát, Tòa án, Thi hành án); các Ban đảng, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Văn phòng Hội đồng nhân dân các cấp: số đơn thư tiếp nhận, xử lý; số đơn thư qua phân loại thuộc thẩm quyền (trong đó có bao nhiêu vụ việc KNTC đông người, phức tạp, nổi cộm, kéo dài);

- Kết quả giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền (số vụ việc khiếu nại, tố cáo đã giải quyết xong; số vụ việc đã giải quyết xong nhưng còn KNTC; số vụ việc đang giải quyết).

- Đánh giá kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhất là giải quyết các vụ việc KNTC đông người, phức tạp, nổi cộm, kéo dài; nội dung chủ yếu của khiếu nại, tố cáo.

## 2.3. Kết quả công tác bảo vệ người tố cáo

- Kết quả tiếp nhận, xử lý, giải quyết đơn thư tố cáo, phản ánh, tố giác liên quan đến hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;

- Tổng số người có yêu cầu được bảo vệ (gồm số người đề nghị bảo vệ vị trí công tác, việc làm; số người đề nghị bảo vệ tính mạng, sức khỏe; số người đề nghị bảo vệ tài sản; số người được bảo vệ danh dự, nhân phẩm);

- Số người tố cáo, phản ánh, tố giác liên quan đến hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực bị trả thù, trù dập; các hình thức trả thù, trù dập thường gặp; kết quả xử lý, hình thức xử lý hành vi trả thù, trù dập.

- Số người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền bị xử lý do buông lỏng lãnh đạo, quản lý, không làm hết thẩm quyền để xảy ra tình trạng người tố cáo, phản ánh, tố giác bị trả thù, trù dập;

- Đánh giá kết quả bảo vệ người tố cáo, nhất là niềm tin của người dân đối với cấp ủy, chính quyền, các cơ quan chức năng trong công tác này.

## III. Hạn chế và nguyên nhân

**1. Hạn chế:** Đánh giá những hạn chế chủ yếu trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp và quy định mà Chỉ thị số 35-CT/TW, Chỉ thị số 27-CT/TW và Quy định số 11-QĐi/TW đã nêu, nhất là những hạn chế trong thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền về công tác tiếp công dân, xử lý phản ánh, kiến nghị, giải quyết KNTC; hạn chế trong công tác bảo vệ người tố cáo.

## **2. Nguyên nhân**

- Nguyên nhân khách quan.

+ Liên quan từ cơ chế, chính sách (nêu rõ những vướng mắc, bất cập trong các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước hiện nay về tiếp công dân, giải quyết KNTC, bảo vệ người tố cáo và các quy định pháp luật dễ nảy sinh KNTC);

+ Việc phối hợp trong công tác;

+ Nguyên nhân khác.

- Nguyên nhân chủ quan.

+ Liên quan từ nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền, cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC, bảo vệ người tố cáo:

+ Liên quan trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan chức năng, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC, bảo vệ người tố cáo, trong đó có việc chấp hành kỷ luật công vụ;

+ Liên quan từ tổ chức, bộ máy, năng lực, phẩm chất cán bộ, công chức; chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC, bảo vệ người tố cáo;

+ Nguyên nhân khác.

## **IV. Phương hướng, nhiệm vụ**

### **1. Dự báo tình hình KNTC, nhu cầu bảo vệ người tố cáo thuộc lĩnh vực ngành, đơn vị, địa phương lãnh đạo, quản lý thời gian tới**

- Tình hình phát triển kinh tế-xã hội của Tỉnh và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực của ngành, đơn vị, địa phương trong thời gian tới có tác động đến việc KNTC của người dân.

- Dự báo tình hình KNTC và nhu cầu người tố cáo cần được bảo vệ thuộc lĩnh vực của ngành, đơn vị, địa phương quản lý (tăng hay giảm); những khó khăn, vướng mắc, những vấn đề gì mới phát sinh.

### **2. Phương hướng, nhiệm vụ**



- Về hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật về tiếp công dân, giải quyết KNTC.

- Về tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức và người dân về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tiếp công dân, giải quyết KNTC, bảo vệ người tố cáo.

- Về phát huy, gắn trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, thủ trưởng cơ quan, đơn vị, chủ tịch UBND các cấp trong công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC, bảo vệ người tố cáo.

- Về công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng với nhau; giữa cơ quan chức năng của Trung ương với địa phương trong tiếp công dân, giải quyết KNTC, bảo vệ người tố cáo.

- Phương hướng, nhiệm vụ khác.

## **V. Đề xuất, kiến nghị**

1. Đối với Bộ Chính trị liên quan đến nội dung Chỉ thị số 35-CT/TW, Chỉ thị số 27-CT/TW và Quy định số 11-QĐ/TW (nếu có cần nêu rõ nội dung nào cần sửa đổi, nội dung nào cần bổ sung; hướng sửa đổi, bổ sung).

2. Đối với việc hoàn thiện chính sách, pháp luật (nêu cụ thể những chính sách, những văn bản pháp luật cần hoàn thiện và hướng hoàn thiện).

3. Đối với việc phối hợp giữa các cơ quan chức năng với nhau, giữa địa phương với các cơ quan Trung ương trong việc tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết KNTC, bảo vệ người tố cáo (phương pháp, cách thức phối hợp)

4. Các giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC, bảo vệ người tố cáo.

5. Về tăng cường kỷ cương, kỷ luật công vụ trong công tác tiếp công dân và giải quyết KNTC; tính trách nhiệm trong công tác bảo vệ người tố cáo.

6. Về điều kiện làm việc, công tác đào tạo, bồi dưỡng, chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân và giải quyết KNTC, bảo vệ người tố cáo.

7. Các kiến nghị, đề xuất cụ thể khác (nếu có)/.

---

Đơn vị:.....

**PHỤ LỤC 01**

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức tuyên truyền, phổ biến

Chỉ thị số 35-CT/TW, Chỉ thị số 27-CT/TW, Quy định số 11-QĐ/TTW

(Năm .....

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Chỉ thị, Quy định			Số lượng văn bản do UBND cấp tỉnh, cấp huyện ban hành đề cử thể hóa văn bản của cấp trên
Số cuộc hội nghị, lớp tập huấn... được BCSD, ĐD, DU, huyện ủy, thành ủy tổ chức	Số lượng cán bộ, đảng viên tham gia	Số lượng tài liệu, ấn phẩm được phát hành	Số lượng văn bản do BCSD, ĐD, DU, huyện ủy, thành ủy ban hành đề lãnh đạo, chỉ đạo

Đơn vị:.....

## PHỤ LỤC 02

Kết quả công tác tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý phản ánh, kiến nghị của dân theo Quy định số 11-QĐ/TW, ngày 18/2/2019 của người đứng đầu cấp ủy  
(Năm .....

STT	Nội dung	Tổng cộng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Số cuộc tiếp dân	Dịnh kỳ			
		Đột xuất			
2	Số lượt người	Dịnh kỳ			
		Đột xuất			
3	Số đoàn đông người				
4	Số vụ việc phản ánh, kiến nghị, KNTC về sự thoái "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong cán bộ, đảng viên qua các cuộc tiếp dân				
5	Số vụ việc người dân phản ánh, kiến nghị, KNTC thuộc thẩm quyền giải quyết	Đã giải quyết không còn phản ánh, kiến nghị, KNTC			
		Đã giải quyết còn ảnh. kiến nghị, KNTC			
		Đang giải quyết			
		Đã xử lý, chỉ đạo, hướng dẫn người phản ánh, kiến nghị, KNTC đến cơ quan chức năng, người có thẩm quyền			
6	Số vụ việc không thuộc thẩm quyền giải quyết	Lưu theo quy định			

Đơn vị:.....

**Kết quả tiếp dân, giải quyết KNTC của thu trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các cấp**



STT	Nội dung	Tổng cộng	Thu trưởng cơ quan, đơn vị	Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Chủ tịch UBND cấp huyện	Chủ tịch UBND cấp xã
1	Số cuộc tiếp dân	Dịnh kỳ				
		Đột xuất				
		Dịnh kỳ				
2	Số lượt người	Đột xuất				
3	Số vụ việc KNTC					
4	Số đoàn đông người					
5	Số vụ việc KNTC thuộc thẩm quyền giải quyết	Đã giải quyết không còn KNTC				
		Đã giải quyết còn KNTC				
		Đang giải quyết				
6	Số vụ việc KNTC không thuộc thẩm quyền giải quyết	Đã hướng dẫn hoặc chuyển đến cơ quan, người có thẩm quyền				
		Lưu theo quy định				



Đơn vị: .....

**PHỤ LỤC 05**

**Kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát về công tác tiếp dân,  
giải quyết khiếu nại, tố cáo vào bảo vệ người tố cáo  
(Năm.....)**

STT	Diễn giải		Tổng cộng	Số, ngành	UBND cấp tỉnh	UBND cấp huyện
1	Số cuộc thanh tra của thanh tra	Theo kế hoạch				
		Đã thực hiện				
		Đột xuất				
2	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra					
3	Số cuộc kiểm tra	Theo chương trình				
		Đã thực hiện				
		Đột xuất				
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được giám sát					
5	Số cuộc giám sát					
6	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được giám sát					
7	Số người vi phạm quy định về công tác tiếp dân, giải quyết KNTC và bảo vệ người tố cáo	Bị kỷ luật đảng				
		Xử lý về chính quyền				
		Xử lý theo pháp luật				
		Chưa đến mức bị xử lý				
8	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã bị kết luận vi phạm quy định về công tác tiếp dân, giải quyết KNTC và bảo vệ người tố cáo					

*Ghi chú:*

- Hàng 3 chi thống kê số cuộc kiểm tra của ủy ban kiểm tra các cấp;
- Hàng thứ 5 chi thống kê số cuộc giám sát của Hội đồng nhân dân và Mặt trận tổ quốc các cấp.

Đơn vị.....



**Nhân lực và cơ sở vật chất phục vụ công tác tiếp công dân của bộ, ngành, tỉnh ủy, UBND các cấp**

Nhân lực tham gia tiếp công dân					Cơ sở vật chất phục vụ tiếp công dân		Ghi chú
Số lượng cán bộ, công chức chuyên trách tiếp công dân	Số lượng cán bộ, công chức kiêm nhiệm vụ tiếp công dân	Trình độ chuyên môn của cán bộ, công chức tiếp công dân			Phòng (trụ sở) tiếp công dân riêng biệt	Phòng (trụ sở) tiếp công dân trong khu hành chính chung	
		Tiến sỹ luật	Thạc sỹ luật	Cử nhân luật			Chuyên ngành khác

